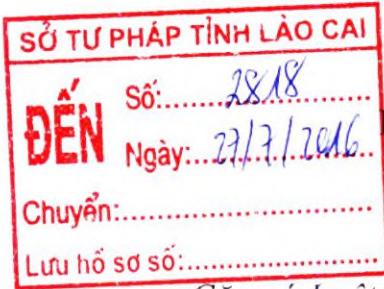


Số: 41/2016/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 18 tháng 7 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

Về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,  
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 11/7/2016 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; cụ thể như sau:

1. Các mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Có phụ lục kèm theo).

2. Nguồn kinh phí: Do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu; nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; nguồn tự cân đối bố trí theo khả năng ngân sách địa phương và được bố trí trong dự toán ngân sách của UBND các cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 2. Hội đồng nhân dân giao**

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Lào Cai khóa XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2016. Bãi bỏ khoản 26 của Điều 1 Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh phê chuẩn kết quả thỏa thuận của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh trong thời gian giữa 2 kỳ họp. /.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban chỉ đạo Tây Bắc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Vịnh**

## PHỤ LỤC

**mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,  
hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016  
của HĐND tỉnh Lào Cai)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra					
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	120	100	Cấp xã: Áp dụng đối với công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	80	60	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp. (Chuyên gia là người có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo chuyên sâu, có kinh nghiệm trong một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể)	01 báo cáo/01 văn bản	600	500	400	Cấp xã: Áp dụng đối với công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	100	80		
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản					
a	Mức chi chung	01 văn bản	140	100		
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300	200		

*Thu*

5	Chi soạn thảo, viết báo cáo					
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	150		
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành)	01 báo cáo	1.000	800	600	Cấp xã: Áp dụng đối với công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.500	1.200		
6	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định	01 văn bản	100	80	60	
7	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	60	40	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo

*Chức*